

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 169/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật biên giới quốc gia ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định hành vi vi phạm hành chính; hình thức xử phạt, mức phạt; các biện pháp khắc phục hậu quả; thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia bao gồm:

a) Vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới, dấu hiệu đường biên giới;

b) Vi phạm các quy định về qua lại biên giới, xâm cư, vượt biên giới làm ruộng, rẫy, săn bắn, khai thác lâm thổ sản, khoáng sản, thủy sản và các hành vi khác gây nguy hại cho quốc phòng, an ninh, sức khỏe con người ở khu vực biên giới;

c) Vi phạm quy định về cư trú, đi lại, hoạt động trong khu vực biên giới;

d) Vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ công trình biên giới, biển báo, vùng cấm trong khu vực biên giới;

đ) Vi phạm các quy định về xây dựng các công trình trong khu vực biên giới;

e) Vi phạm quy định của người và tàu thuyền trong khu vực biên giới biển, khu vực cửa khẩu cảng biển;

g) Vi phạm các quy định về bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển;

h) Vi phạm quy định ra, vào, hoạt động trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền.

3. Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia quy định tại các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về xuất, nhập khẩu hàng hóa, giao thông vận tải đường sắt, an ninh và trật tự, an toàn xã hội, xuất bản, đo đạc bản đồ, hàng hải, đường thủy nội địa và các lĩnh vực khác được xử phạt theo quy định tại các nghị định đó.

Điều 2. Các biện pháp khắc phục hậu quả

1. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu.

2. Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép.

3. Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh.

4. Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc buộc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện.

5. Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khoẻ con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm có nội dung độc hại.

6. Buộc rời khỏi khu vực cửa khẩu biên giới đất liền, khu vực cửa khẩu cảng biển, khu vực biên giới.

7. Buộc nộp lại giấy phép đi bờ đối với thuyền viên khi tàu thuyền nước ngoài neo đậu tại cảng.

8. Thu hồi giấy chứng minh biên giới, giấy chứng nhận biên giới hoặc giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới.

9. Buộc tiêu hủy giấy chứng minh biên giới, giấy chứng nhận biên giới hoặc giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới, giấy phép hoạt động tại khu vực cửa khẩu, cảng biển bị làm giả.

Điều 3. Mức phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức và thẩm quyền xử phạt tiền

1. Mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức là 100.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt tiền đối với cá nhân. Mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

3. Thẩm quyền xử phạt của các chức danh quy định tại Chương III Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân; thẩm quyền phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần đối với cá nhân.

**Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT
VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ**

Điều 4. Hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới, dấu hiệu đường biên giới

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Tiến hành các hoạt động thăm dò địa chất, khai thác tài nguyên, khoáng sản làm thay đổi dấu hiệu đường biên giới quốc gia, mốc quốc giới, công trình biên giới;

b) Xây dựng các công trình thủy lợi trên sông, suối biên giới không được phép của cấp có thẩm quyền.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Làm hư hại, xê dịch hoặc có bất cứ hành động gì khác có hại tới mốc quốc giới, dấu hiệu đường biên giới, biển báo trong khu vực biên giới, công trình biên giới;

b) Xây kè, đào kênh, mương, đắp đất đá, chất thải xuống sông, suối biên giới; làm thay đổi dòng chảy sông, suối biên giới, làm thay đổi dấu hiệu đường biên giới quốc gia.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng 06 tháng đến 01 năm giấy phép khai thác, thăm dò tài nguyên, khoáng sản đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, buộc tháo dỡ công trình, phần công trình không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1; Khoản 2 Điều này.

Điều 5. Hành vi vi phạm các quy định về qua lại biên giới, xâm cư, vượt biên giới làm ruộng, rẫy, săn bắn, khai thác lâm thổ sản, khoáng sản, thủy sản và các hành vi khác gây nguy hại cho quốc phòng, an ninh, sức khỏe con người ở khu vực biên giới

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Cư dân biên giới qua lại biên giới không mang theo giấy tờ theo quy định của pháp luật;

b) Cư dân biên giới qua lại biên giới không đúng các điểm quy định dành cho việc qua lại biên giới;

c) Cư dân biên giới qua lại biên giới không đúng thời gian ghi trong giấy chứng minh biên giới, giấy chứng nhận biên giới hoặc giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới;

d) Chấn, thả gia súc, gia cầm qua biên giới;

đ) Đi vượt quá phạm vi quy định khi được phép qua lại biên giới.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 800.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Cho người khác sử dụng giấy chứng minh biên giới, giấy chứng nhận biên giới hoặc giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới để qua lại biên giới;

b) Sử dụng giấy chứng minh biên giới, giấy chứng nhận biên giới hoặc giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới của người khác để qua lại biên giới.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 1.500.000 đồng đối với hành vi khai không đúng sự thật để được cấp giấy chứng minh biên giới, giấy chứng nhận biên giới hoặc giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới.

4. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.500.000 đồng đối với một trong những hành vi dẫn dắt, giúp đỡ, tạo điều kiện cho người, phương tiện đi lại quá phạm vi quy định cho phép.

5. Phạt tiền từ 2.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Vượt biên giới làm ruộng, rẫy, săn bắn, khai thác lâm thổ sản, khoáng sản, thủy sản và các hoạt động khác trái pháp luật;

b) Xâm cư ở khu vực biên giới;

c) Chôn, chuyển dịch mồ mả, vận chuyển hài cốt qua biên giới trái phép;

d) Không trình báo với Đồn Biên phòng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã sở tại về mục đích, thời gian, danh sách người, số lượng phương tiện, nội dung và phạm vi hoạt động ở vành đai biên giới;

đ) Giả mạo giấy tờ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoạt động trong khu vực biên giới, vành đai biên giới.

6. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua bán, trao đổi, vận chuyển trái phép qua biên giới quốc gia các chất gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho sức khỏe nhân dân, môi trường, trật tự, an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với những hành vi phóng, thả, đưa qua biên giới quốc gia trên đất liền, trên không phương tiện bay, vật thể gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh.

8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi lắp đặt các thiết bị lưu giữ chất hóa học nguy hiểm và xây dựng nơi xử lý chất thải nguy hiểm trong phạm vi 1.000 m từ đường biên giới trở vào.

9. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3; Điểm a, đ Khoản 5; Khoản 6; Khoản 7; Khoản 8 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 5 Điều này;

b) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều này;

c) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi và cây trồng, văn hoá phẩm có nội dung độc hại đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6, Khoản 7 Điều này;

d) Thu hồi giấy chứng minh biên giới, giấy chứng nhận biên giới hoặc giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều này;

đ) Buộc tiêu hủy giấy chứng minh biên giới, giấy chứng nhận biên giới hoặc giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới bị làm giả.

Điều 6. Hành vi vi phạm quy định cư trú, đi lại, hoạt động trong khu vực biên giới

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Cư trú, đi lại không đúng quy định trong khu vực biên giới;

b) Không khai báo hoặc che giấu, giúp đỡ người khác đi lại, cư trú trái phép trong khu vực biên giới.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Người nước ngoài vào khu vực biên giới, vành đai biên giới không có giấy tờ theo quy định;

b) Người nước ngoài vào vành đai biên giới không trình báo cho đồn biên phòng hoặc chính quyền sở tại;

c) Tổ chức cho người nước ngoài vào khu vực biên giới nhưng không cử người đi cùng, không thông báo cho Công an, Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh nơi đến.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức cho người nước ngoài vào khu vực biên giới chưa được cấp phép hoặc không được cấp phép của cơ quan Công an có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng điểm họp chợ, kinh doanh, bãi đỗ của các loại phương tiện, tạo điểm du lịch và các hoạt động trái phép khác trong vành đai biên giới không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

5. Hình thức xử phạt bổ sung

Tước quyền sử dụng từ 06 tháng đến 01 năm giấy phép xây dựng đối với các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu, buộc tháo dỡ công trình, phần công trình không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này;

b) Buộc rời khỏi khu vực biên giới đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1, Điểm a, Điểm c Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

Điều 7. Hành vi vi phạm các quy định về quản lý, bảo vệ công trình biên giới, biển báo, vùng cấm trong khu vực biên giới

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với hành vi vẽ, viết thêm, tẩy xoá chữ trên các biển báo “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm”, “khu vực cửa khẩu” và các biển báo khác trong khu vực biên giới.

2. Phạt tiền từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi ra, vào, đi lại, điều khiển phương tiện, tiến hành các hoạt động không đúng quy định trong vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động trong khu vực biên giới.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi quay phim, chụp ảnh, đo, vẽ cảnh vật, ghi hình bằng các thiết bị điện tử, thu phát vô tuyến điện ở khu vực thuộc phạm vi vùng cấm nằm trong khu vực biên giới mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Chặt, phá, đốt cây khai hoang; gây nổ, nổ súng trái phép trong vành đai biên giới; bắn súng qua biên giới;

b) Làm hư hỏng, xê dịch, tháo dỡ các biển báo “khu vực biên giới”, “vành đai biên giới”, “vùng cấm”, “khu vực cửa khẩu” và các biển báo khác trong khu vực biên giới.

5. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với hành vi phá, dỡ hoặc làm hư hỏng kết cấu, thiết bị của công trình biên giới.

6. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3; Khoản 4; Khoản 5 Điều này.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1; Điểm b Khoản 4; Khoản 5 Điều này.

Điều 8. Hành vi vi phạm các quy định về xây dựng các công trình trong khu vực biên giới

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi xây dựng công trình giao thông, du lịch, thủy lợi, thủy điện, xí nghiệp, nông trường, lâm trường, trang trại, công trình cảng, khu kinh tế liên doanh,

liên kết với nước ngoài, thăm dò, khai thác tài nguyên và các dự án xây dựng khác trong khu vực biên giới mà chủ đầu tư không thông báo cho chính quyền địa phương sở tại, đồn biên phòng.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này không được cấp phép của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này không đúng địa điểm hoặc làm thay đổi dấu hiệu đường biên giới quốc gia, hư hại mốc quốc giới, công trình biên giới.

4. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

Điều 9. Hành vi vi phạm quy định của người và tàu thuyền trong khu vực biên giới biển, khu vực cửa khẩu cảng biển

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi không lập danh sách và thông báo cho cơ quan có thẩm quyền, Đồn Biên phòng, biên phòng cửa khẩu cảng biển khi có người nước ngoài cùng đi trong đoàn vào khu vực biên giới biển, cửa khẩu cảng biển.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Quay phim, chụp ảnh, đo, vẽ cảnh vật, ghi hình bằng các thiết bị điện tử, thu phát vô tuyến điện ở khu vực có biển cấm nằm trong khu vực biên giới biển, khu vực cửa khẩu cảng biển mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền;

b) Đưa người, hàng hoá lên tàu thuyền hoặc từ tàu thuyền xuống trong khu vực cửa khẩu cảng biển không được phép của cơ quan hoặc người có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người nước ngoài vào khu vực biên giới biển, khu vực cửa khẩu cảng biển (trừ khu du lịch, dịch vụ), đến làm việc, hoạt động tại cửa khẩu cảng biển mà không có giấy phép do cơ quan Công an có thẩm quyền cấp.

4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các phương tiện cập mạn tàu thuyền nước ngoài trong vùng nước nội thủy, lãnh hải không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Không chấp hành việc kiểm tra, giám sát biên phòng đối với tàu thuyền trong các trường hợp pháp luật quy định;

b) Diễn tập quân sự, diễn tập tìm kiếm, cứu nạn, tổ chức bắn đạn thật hoặc sử dụng vật liệu nổ trong khu vực biên giới biển mà không có kế hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt, không thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan cũng như Ủy ban nhân dân và Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh theo quy định;

c) Tiến hành hoạt động thăm dò, khai thác hải sản, nghiên cứu khoa học, khai thác tài nguyên trong khu vực biên giới biển do các Bộ, ngành chủ quản cấp phép nhưng không thông báo cho Ủy ban nhân dân và Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh;

d) Tổ chức, dẫn đường, chuyên chở bằng tàu thuyền người xuất cảnh, nhập cảnh trái phép.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với thuyền trưởng, người điều khiển phương tiện hoặc người phụ trách tàu thuyền nước ngoài hoạt động trong khu vực biên giới biển không có đầy đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật.

7. Hình thức xử phạt bổ sung

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc rời khỏi khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu cảng biển đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều này.

Điều 10. Hành vi vi phạm các quy định về bảo đảm an ninh, trật tự tại cửa khẩu cảng biển

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Sử dụng giấy phép đã hết hạn;

b) Không đăng ký, xuất trình giấy phép đi bờ, thẻ hoặc giấy phép xuống tàu cho cơ quan chức năng trước khi lên bờ hoặc xuống tàu;

c) Không chấp hành quy định về thời gian, phạm vi, nội dung hoạt động được cấp phép.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người nước ngoài có hành vi từ tàu thuyền nước ngoài lên bờ; từ bờ xuống tàu thuyền nước ngoài không có các loại giấy phép theo quy định.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cho người khác sử dụng giấy phép đi bờ, thẻ hoặc giấy phép xuống tàu;

b) Sử dụng giấy phép đi bờ, thẻ hoặc giấy phép xuống tàu của người khác;

c) Khai không đúng chức vụ, số lượng thuyền viên, nhân viên, hành khách trên tàu theo danh sách đã đăng ký;

d) Không thông báo cho biên phòng cửa khẩu cảng biển các thông tin liên quan đến tàu thuyền, hàng hoá, danh sách thuyền viên, danh sách hành khách (nếu có), dự kiến thời gian đến và rời cảng khi tiến hành hoạt động kinh doanh lữ hành, đại lý hàng hải hoặc làm thủ tục cho tàu thuyền;

đ) Trở lại tàu thuyền nhưng không xin phép biên phòng cửa khẩu cảng biển khi đã hoàn thành thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam để xuất cảnh bằng phương tiện khác;

e) Trở lại nội địa nhưng không làm lại thủ tục nhập cảnh khi đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh.

4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau:

a) Rời khỏi tàu thuyền hoặc giao dịch với cá nhân, tổ chức không phải là hoa tiêu, nhân viên công vụ Việt Nam, nhân viên đại lý hàng hải khi chưa hoàn thành thủ tục nhập cảnh hoặc đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh;

b) Không có thị thực do cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp khi quá cảnh theo tàu thuyền vào nội địa hoặc xuất cảnh qua cửa khẩu khác.

5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm giả các loại giấy phép sử dụng ở khu vực biên giới biển, khu vực cửa khẩu cảng biển.

6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với thuyền trưởng, người điều khiển phương tiện hoặc người phụ trách tàu, thuyền có một trong những hành vi sau:

a) Xếp, dỡ hàng hóa khi chưa được biên phòng cửa khẩu cảng biển xác báo hoàn thành thủ tục biên phòng về nhập cảnh, quá cảnh, chuyển cảng đến;

b) Tự ý rời cảng khi có sự thay đổi về thuyền bộ sau khi được cơ quan có thẩm quyền xác báo hoàn thành thủ tục biên phòng;

c) Không nộp lại hồ sơ giấy cho biên phòng cửa khẩu cảng biển sau khi hoàn thành thủ tục biên phòng điện tử;

d) Không khai báo đầy đủ, khai báo không chính xác các thông tin theo quy định của pháp luật về thủ tục biên phòng điện tử cảng biển;

đ) Neo đậu tại vùng nước cảng quá 24 giờ mà không xin phép cơ quan có thẩm quyền khi đã hoàn thành thủ tục xuất cảnh;

e) Không có Bản khai hàng hóa nguy hiểm, vũ khí, vật liệu nổ; Bản khai người trốn trên tàu (nếu có);

g) Không giữ đúng trạng thái niêm phong đối với hàng hoá và hồ sơ biên phòng theo quy định của pháp luật khi tàu thuyền quá cảnh, chuyển cảng;

h) Không áp dụng biện pháp ngăn chặn cần thiết và thông báo cho biên phòng cửa khẩu cảng biển hoặc cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác khi phát hiện có người trốn trên tàu.

7. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Khoản 5 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép đi bờ, thẻ hoặc giấy phép xuống tàu từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả

a) Buộc nộp lại giấy phép đi bờ đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy giấy phép sử dụng ở khu vực biên giới biển, khu vực cửa khẩu cảng biển bị làm giả quy định tại Khoản 5 Điều này.

Điều 11. Hành vi vi phạm quy định ra, vào, hoạt động trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Cư trú, đi lại không đúng quy định trong phạm vi khu vực cửa khẩu biên giới đất liền;

b) Không đăng ký, trình báo với cơ quan chức năng khi thực hiện các hoạt động tại khu vực cửa khẩu biên giới đất liền.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong những hành vi sau đây:

a) Ra, vào, hoạt động trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền không có giấy tờ về người, phương tiện theo quy định pháp luật;

b) Điều khiển phương tiện giao thông trong phạm vi khu vực cửa khẩu biên giới đất liền đi quá phạm vi được phép; dùng phương tiện đưa, đón người, chuyên chở, xếp, dỡ hàng hoá trong khu vực cửa khẩu biên giới đất liền không đúng nơi quy định hoặc không tuân theo hướng dẫn của người có trách nhiệm;

c) Vận chuyển, xếp dỡ hàng hoá tại khu vực cửa khẩu biên giới đất liền không đúng địa điểm quy định;

d) Tẩy xoá, sửa chữa giấy phép hoạt động tại khu vực cửa khẩu biên giới đất liền;

đ) Cho người khác sử dụng giấy phép hoạt động tại khu vực cửa khẩu biên giới đất liền;

e) Sử dụng giấy phép của người khác hoạt động tại khu vực cửa khẩu biên giới đất liền.

3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không có giấy phép hoặc sử dụng giấy phép đã hết thời hạn hoạt động tại khu vực cửa khẩu biên giới đất liền.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh không được cấp phép trong phạm vi khu vực cửa khẩu biên giới đất liền.

5. Hình thức xử phạt bổ sung

a) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động tại cửa khẩu biên giới đất liền từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép hoạt động tại cửa khẩu biên giới đất liền từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm d, Điểm e Khoản 2; Khoản 3 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc rời khỏi khu vực cửa khẩu biên giới đất liền đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1; Điểm a, Điểm e Khoản 2 Điều này.

Điều 12. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải xảy ra ở khu vực biên giới biển, khu vực cửa cảng biển

Đối với các hành vi vi phạm quy định về bảo đảm an toàn, an ninh, trật tự trong hoạt động khai thác cảng biển; bảo đảm an toàn hàng hải; thủ tục vào, rời cảng biển hoặc quá cảnh; an toàn, an ninh, trật tự đối với các hoạt động liên quan đến tàu thuyền; an toàn sinh mạng trên tàu thuyền; neo đậu, cập cầu, cập mạn, lai dắt của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển, khu vực biên giới biển thì xử phạt theo Nghị định số 93/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông hàng hải, đường thủy nội địa.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 13. Thẩm quyền xử phạt của Bộ đội Biên phòng

1. Chiến sĩ Bộ đội Biên phòng đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng của người quy định tại Khoản 1 Điều này, Trạm trưởng trạm kiểm soát biên phòng có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Trưởng Đồn Biên phòng, Chỉ huy trưởng Hải đội biên phòng, Chỉ huy trưởng Tiểu khu biên phòng, Chỉ huy trưởng biên phòng Cửa khẩu cảng biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

đ) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

e) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;

g) Buộc rời khỏi khu vực cửa khẩu biên giới đất liền, khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu cảng biển;

h) Buộc nộp lại giấy phép đi bờ đối với thuyền viên, nhân viên, hành khách khi tàu thuyền nước ngoài neo đậu tại cảng;

i) Thu hồi giấy chứng minh biên giới, giấy chứng nhận biên giới hoặc giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới;

k) Buộc tiêu hủy giấy chứng minh biên giới, giấy chứng nhận biên giới hoặc giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới, giấy phép hoạt động tại khu vực cửa khẩu, cảng biển bị làm giả.

4. Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh, Chỉ huy trưởng Hải đoàn biên phòng trực thuộc Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

e) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

g) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;

h) Buộc rời khỏi khu vực cửa khẩu biên giới đất liền, khu vực biên giới, khu vực cửa khẩu cảng biển;

i) Buộc nộp lại giấy phép đi bờ đối với thuyền viên, nhân viên, hành khách khi tàu thuyền nước ngoài neo đậu tại cảng;

k) Thu hồi giấy chứng minh biên giới, giấy chứng nhận biên giới hoặc giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới;

l) Buộc tiêu hủy giấy chứng minh biên giới, giấy chứng nhận biên giới hoặc giấy thông hành xuất, nhập cảnh vùng biên giới, giấy phép hoạt động tại khu vực cửa khẩu, cảng biển bị làm giả.

Điều 14. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp nơi có biên giới

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

đ) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;

e) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

g) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

e) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;

g) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

h) Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;

i) Buộc rời khỏi khu vực cửa khẩu, khu vực biên giới.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính;

e) Buộc rời khỏi khu vực cửa khẩu, khu vực biên giới.

Điều 15. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân

Công an nhân dân có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 4; Khoản 2, Khoản 3, Khoản 6, Khoản 7 Điều 5; Điều 6; Khoản 1, Khoản 2 Điều 8; Khoản 4, Điểm d Khoản 5 Điều 9; Khoản 4, Khoản 5 Điều 10, Điều 11 Chương II Nghị định này như sau:

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người được quy định tại Khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

Điều 16. Thẩm quyền xử phạt của Cảnh sát biển

Cảnh sát biển có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 9, Điều 12 Chương II Nghị định này như sau:

1. Cảnh sát viên Cảnh sát biển đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.000.000 đồng.

2. Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng.

3. Đội trưởng Đội nghiệp vụ Cảnh sát biển, Trạm trưởng Trạm Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;
- c) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

4. Hải đội trưởng Hải đội Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

5. Hải đoàn trưởng Hải đoàn Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;
- d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

6. Chỉ huy trưởng Vùng Cảnh sát biển có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục Cảnh sát biển có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Chương II Nghị định này.

Điều 17. Thẩm quyền xử phạt của Quản lý thị trường

Quản lý thị trường có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 Điều 5; Khoản 4 Điều 6; Điểm b Khoản 2 Điều 9; Điểm c Khoản 2 Điều 11 Chương II Nghị định này như sau:

1. Kiểm soát viên thị trường đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng Đội quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 9, Điều 11 Chương II Nghị định này.

3. Chi cục trưởng Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công thương, Trưởng phòng chống buôn lậu, Trưởng phòng chống hàng giả, Trưởng phòng kiểm soát chất lượng hàng hóa thuộc Cục Quản lý thị trường có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 9, Điều 11 Chương II Nghị định này.

Điều 18. Thẩm quyền xử phạt của Hải quan

Hải quan có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 6 Điều 5; Điểm b Khoản 2 Điều 9; Điểm a, Điểm e, Điểm g Khoản 6 Điều 10; Điểm c Khoản 2 Điều 11 Chương II Nghị định này như sau:

1. Công chức Hải quan đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Đội trưởng thuộc Chi cục hải quan, Đội trưởng thuộc Chi cục kiểm tra sau thông quan có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng.

3. Chi cục trưởng Chi cục Hải quan, Chi cục trưởng Chi cục kiểm tra sau thông quan, Đội trưởng Đội kiểm soát thuộc Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Đội trưởng Đội kiểm soát chống buôn lậu, Đội trưởng Đội thủ tục Hải quan, Hải đội trưởng Hải đội kiểm soát trên biển và Đội trưởng Đội kiểm soát bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ thuộc Cục điều tra chống buôn lậu Tổng cục Hải quan có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;
- d) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5, Điều 9, Điều 10, Điều 11 Chương II Nghị định này.

Điều 19. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ hàng hải

Cảng vụ hàng hải có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 10 Chương II Nghị định này như sau:

1. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này.

2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;
- c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 10 Chương II Nghị định này.

Điều 20. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ đường thủy nội địa

Cảng vụ đường thủy nội địa có thẩm quyền xử phạt đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 9 Chương II Nghị định này như sau:

1. Trưởng đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;
- c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này.

2. Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại Điểm b Khoản này;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 9 Chương II Nghị định này.

Điều 21. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

1. Khi thi hành công vụ, những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định này có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

2. Cán bộ, chiến sĩ đơn vị Bộ đội Biên phòng đóng quân ở khu vực biên giới, hải đảo được quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia và biên bản phải được chuyển đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt theo quy định của pháp luật.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 129/2006/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia.

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết, nếu các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong Nghị định này có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, thì áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý.

2. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 129/2006/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia để giải quyết.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- UB Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, NC (3b).KN. 300

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Tấn Dũng